TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HSST
Ngày 27/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hà Giang

2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thứ, Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2023/TLST-HS ngày 18/8/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HS ngày 13/9/2023 đối với bị cáo:

Lê Thanh T sinh năm 1997; tại thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú số nhà 07, phố 5, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Mạnh H và bà Vũ Thị N; vợ là Phạm Thị T và có 02 con. Tiền án không; tiền sự không. Bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bị hại: Cháu Phạm Bảo N sinh ngày 08/4/2008; địa chỉ xóm 3A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu N: Anh Phạm Văn T sinh năm 1975; địa chỉ xóm 3A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là bố đẻ của cháu N; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Phạm Thị T1 sinh năm 1994; có mặt.

- Chị Vũ Thị T2 sinh năm 1970; vắng mặt.

- Phạm Thị T3 sinh năm 1978; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 27/4/2023 Lê Thanh T điều khiển xe mô tô chở vợ là chị T1 về nhà bà Tình là mẹ đẻ của chị T1 tại xã Khánh Hội chơi. Khoảng 18 giờ 30 phút

cùng ngày Lê Thanh T điều khiển xe mô tô chở chị T1 ra ngã tư xã K và để chị T1 ngồi tại quán nước ở ngã tư xã K để uống nước. T điều khiển xe mô tô đến Cửa hàng điện thoại của anh Huy ở xóm 8, xã K và bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Remi 10C cho anh Huy với số tiền là 1.500.000 đồng; khoảng 01 tiếng sau Lê Thanh T điều khiển xe mô tô quay lại Cửa hàng điện thoại của anh Huy, lấy lại chiếc điện thoại Remi và để lại xe mô tô cho anh Huy. Lê Thanh T tiếp tục mang điện thoại Remi đến đến Cửa hàng điện thoại của anh Thế ở xóm 9, xã K bán được 1.000.000 đồng. Sau đó Lê Thanh T đi bộ xung quanh ngã tư xã K với mục đích xem nhà ai có tài sản để sơ hở thì lấy trộm, khi Lê Thanh T đi đến Cửa hàng thuốc thú ý Tuấn T là nhà anh Phạm Văn T ở xóm 3, xã K; Lê Thanh T vào Cửa hàng gọi hỏi mua thuốc thú y, nhưng không thấy ai trả lời, Lê Thanh T nhìn thấy trong nhà có 01 xe máy điện biển kiểm soát 35M7-002.13 Lê Thanh T đã vào dắt xe máy điện ra và đẩy dắt ra được khoảng 400 mét thì Lê Thanh T mở khóa điện của xe máy điện và điều khiển xe máy điện đến quán nước đón chị T1 và chở chị T1 về thành phố Ninh Bình.

Khi Lê Thanh T dắt đẩy xe máy điện qua ngã tư K, thì chị T3 là mẹ cháu N đang đứng ở ngã tư xã K phát hiện thấy Lê Thanh T đang ngồi trên xe máy điện của cháu N và dùng chân đẩy đi, nên chị T3 đã đi về nhà và về hỏi chồng là anh Phạm Văn T và cháu N về chiếc xe máy điện của cháu N. Sau khi biết xe máy điện của cháu N bị mất trộm; đến 21 giờ 45 phút cùng ngày anh Phạm Văn T là bố cháu N đã đến Công an xã K trình báo.

Lê Thanh T điều khiển xe máy điện chở chị T1 về thành phố Ninh Bình rồi mở cốp của xe máy điện ra thấy bên trong có 01 cục xạc điện của xe máy điện, 01 vì da bên trong ví có 01 giấy đăng ký của xe máy điện mang tên Phạm Bảo N, 01 căn cước công dân mang tên Phạm Bảo N và số tiền là 52.000 đồng. Sau khi Lê Thanh T nói chuyện lại với mẹ đẻ là bà T2 và chị T1 là xe mô tô Lê Thanh T trộm cắp tại xã K, thì bà T2 và chị T1 đã bảo Lê Thanh T mang xe mô tô trả lại cho chủ sở hữu. Ngày 28/4/2023 Lê Thanh T đã mang xe mô tô trên đến Công an xã K tự thú và giao nộp lại chiếc xe máy điện cho Công an xã K.

Kết luận định giá tài sản số 14/KLĐG ngày 22/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Giá trị của xe máy điện nhãn hiệu VINA THAI biển kiểm soát 35MĐ7-002.13 xe đã qua sử dụng là 12.666.700 đồng, cục xạc xe máy điện là 216.700, 01 ví da là 50.000 đồng.

Cáo trạng số 44/CT-VKSYK ngày 16/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thanh T như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện nhận được Quyết định thi hành án của Tòa án. Khấu trừ 5% thu nhập hằng tháng của bị cáo Lê Thanh T trong thời gian cải tạo không giam giữ để tịch thu sung quỹ Nhà nước. Giao bị

cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật

Bị cáo Lê Thanh T khai: Khoảng 17 giờ 00 ngày 27/4/2023 Lê Thanh T đã lén lút vào nhà anh Phạm Văn T ở xóm 3A, xã K lấy và chiếm đoạt 01 xe máy điện, bên trong cốp xe máy điện có 01 cục nạp của xe máy điện và 01 ví da, bên trong ví dai có 01 giấy đăng ký xe máy điện, 01 căn cước công dân và số tiền là 52.000 đồng. Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người đại diện của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/4/2023 tại xóm 3A, xã K; bị cáo Lê Thanh T lén lút vào nhà anh Phạm Văn T, lấy và chiếm đoạt của cháu N gồm 01 xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ7-002.13 trị giá 12.666.700 đồng, 01 cục nạp của xe máy điện trị giá 2160.700 đồng, 01 ví da trị giá 50.000 đồng và số tiền là 52.000 đồng; tổng giá trị tài sản Lê Thanh T chiến đoạt của cháu N là 12.985.400 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Thanh T là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự xã hội; với giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.985.400 đồng. Nên hành vi của Lê Thanh T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo T về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tài sản bị cáo Lê Thanh T chiếm đoạt là của cháu N sinh ngày 08/4/2008, nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" theo quy đinh tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện trả lại tài sản cho người bị hại" theo quy định tại các điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vào giá trị tại xản chiếm đoạt là 12.985.400 đồng; bị cáo phạm tội chiếm đoạt tài sản của người dưới 16 tuổi; nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng, nhưng có 04 tình tiết giảm nhẹ, nên giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo, tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ còn lại và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà bị cáo được hưởng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt của cháu N, cháu N và người đại diện hợp pháp của cháu N không có yêu cầu gì thêm, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm 01 xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ7-002.13, 01 cục nạp của xe máy điện, 01 ví da và số tiền là 52.000 đồng. Toàn bộ tài sản là của cháu N, Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho cháu N là đúng pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người liên quan không khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Thanh T bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; các điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Lê Thanh T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Đều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Người bị hại, người đại diện của bị hại
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực